

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

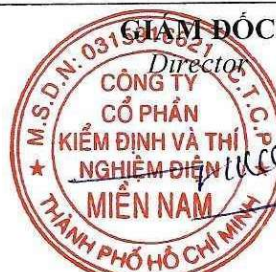
Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                          |                                                                  |                                            |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 913/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 15/05/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                                |                                                                                                                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                                                     | <b>CÔNG TY TNHH PLATEL VINA</b><br>Lô I-10-2 đường D2, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Tp.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh.              |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br><i>Place of testing:</i>                                             | Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC                                                                                                |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br><i>Type of testing:</i>                                            | Ứng cao su cách điện trung thế<br><i>The medium voltage insulating rubber boots</i>                                                      |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i>                         | 01 Đôi/ 01 Pairs                                                                                                                         |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br><i>Method of testing:</i>                                        | TN/QT-17; QCVN15:2013/BLĐTBXH; TCVN 5588-1991<br>Tài liệu kỹ thuật NSX; Theo yêu cầu khách hàng.                                         |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                                             | 14/05/2025                                                                                                                               |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br><i>Specification:</i>                                                 | Loại/ Type: ỨNG CAO SU CÁCH ĐIỆN 22KV                                                                                                    |
|                                                                                                | Năm sản xuất/ Date of manufacture: 2018                                                                                                  |
|                                                                                                | Điện áp làm việc lớn nhất/ Maximum working voltage: 22 kV                                                                                |
|                                                                                                | Tần số/ Frequency: 50/60 Hz                                                                                                              |
|                                                                                                | Số quản lý/ Serial No: Không rõ/ NA                                                                                                      |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br><i>Testing equipment:</i>                                        | Nhà sản xuất/ Manufacture: VICADI – Việt Nam                                                                                             |
|                                                                                                | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50; HZXC-10HZJ.                                                                                                   |
|                                                                                                |                                                                                                                                          |
|                                                                                                |                                                                                                                                          |
|                                                                                                |                                                                                                                                          |
| 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                                   | $(32 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ ; $(60 \pm 5) \% \text{RH}$                                                                                 |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br><i>Testing result:</i>                                              | Xem trang sau<br><i>See next page</i>                                                                                                    |
| 11. Tem thử nghiệm:<br><i>Testing stamp No:</i>                                                | <b>545/25/ETSC</b>                                                                                                                       |
| 12. Kết luận<br><i>Conclusion</i>                                                              | Ứng cao su cách điện trung thế trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / <i>The medium voltage insulating rubber boots meet technical standards</i> |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 11/2025<br><i>Recommended next testing period:</i> |                                                                                                                                          |

**Người Thực Hiện***Executor***Nguyễn Đức Tiến Luyện****Nguyễn Quốc Hoàn**

TN/QT-17/M1

Ban hành lần 2

1. Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);

Tài liệu này chỉ có giá trị khi được kiểm tra và xác nhận bởi nhà thầu chuyên nghiệp.

|                                                                                   |                                                                  |                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|  | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 15/05/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1  
 Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan/ Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                             | Số sánh tham chiếu<br>Compare reference           | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Nhãn mác/ Label                                              | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 2         | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |
| 3         | Bề mặt cách điện/ Insulation surface                         | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/ Good     | Đạt/ Ok            |

**10.2 Điện trở cách điện ( $R_{cd}$ )/ Insulation Test ( $M\Omega$ ):**

| Đối tượng đo<br>The object of measurement                     | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level<br>( $M\Omega$ ) | Kết quả đo<br>Measurement<br>results ( $M\Omega$ ) | Đánh giá<br>Assess |
|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|
| Cực trong Ủng phải - Vỏ bồn<br>Iron bar in right glove - Case | > 1.000                                           | 10.000                                             | Đạt/ Pass          |
| Cực trong Ủng trái - Vỏ bồn<br>Iron bar in left glove - Case  | > 1.0000                                          | 10.000                                             | Đạt/ Pass          |

**10.3 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                   | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Kết quả<br>Result  | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 1         | Kiểm tra độ bền điện môi/ Test dielectric strength |                                            |                    |                    |
|           | - Ủng phải/ Right                                  | 22kV/ 60s                                  | Chịu được/<br>Pass | Đạt/ Ok            |
|           | - Ủng trái/ Left                                   | 22kV/ 60s                                  | Chịu được/<br>Pass | Đạt/ Ok            |